

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2021

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TỈNH

Căn cứ Quy chế về tổ chức, hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên ban hành theo Thông tư 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/04/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm GDTX.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ biên bản duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 ngày 18 tháng 03 năm 2022;

Xét đề nghị của Phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách của Trung Tâm GDTX năm 2020 (như biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao cho phụ trách kế toán Trung tâm GDTX tỉnh tổ chức thực hiện công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Trung tâm dưới các hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, gửi đến các phòng qua hòm thư của Trung tâm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông bà: Trưởng phòng tổ chức hành chính, Phòng quản lý đào tạo, phòng văn hóa và dạy nghề, bộ phận kế toán tài vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: -VT.



Phạm Văn Cường

Đơn vị: TRUNG TÂM GDTX TỈNH ĐIỆN BIÊN

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(kèm theo quyết định số 35/QĐ-TT ngày 31/03/2022 của Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh)

ĐV tính: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	37.245	37.245	0	
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Học phí	37.245	37.245		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	<i>Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo</i>	19.115	19.115		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.115	19.115		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	<i>Chi quản lý hành chính</i>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		
1	Lệ phí				
2	Học phí	0	0		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5.845.000	5.845.000	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.845.000	5.845.000	0	0
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.845.000	5.845.000		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.912.000	3.912.000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.933.000	1.933.000		